

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2026/KDTM-PT
Ngày: 07/9/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm
Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thơm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 209/2026/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2026/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực K1 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4607/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12810/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn V.
Trụ sở chính: Tổ A, khu phố P, phường P1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông C1 (có mặt) – Giám đốc.
- Bị đơn: Công ty Cổ phần D.
Trụ sở chính: Tầng 20, đường Đ1, phường P2, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông T1 – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: đường Đ2, phường P3, tỉnh Nghệ An (phường P4, thành phố T1, tỉnh Nghệ An cũ).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đ2, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: đường Đ3, phường P5, Thành phố Hồ Chí Minh.
(theo Giấy ủy quyền ngày 14/8/2026).

3. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần D – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phần nội dung của bản án sơ thẩm đã ghi:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của người đại diện nguyên đơn tại Tòa:

Vào ngày 13/02/2023, Công ty TNHH V có ký kết Hợp đồng Kinh tế số 72 với Công ty cổ phần D để thực hiện việc thi công đắp bờ bao tại công trình xây lắp cầu dẫn từ đầu tuyến đến trụ T thuộc dự án cầu P, thị xã X1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường P6, Thành phố Hồ Chí Minh) và huyện H1, tỉnh Đồng Nai.

Ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng, Công ty TNHH V đã tiến hành việc điều động nhân lực và phương tiện thi công về công trình để thi công làm việc, Công ty TNHH V thực hiện triển khai mục đắp bờ xung quanh các trụ cầu, mặt bằng xung quanh lán trại, bãi đúc dầm và đường công vụ. Thời gian thi công được diễn ra xuyên suốt từ ngày 13/02/2023 đến hết ngày 30/8/2023, trong suốt quá trình làm việc, Công ty TNHH V có bàn giao đầy đủ biên bản nghiệm thu khối lượng các đợt (có chữ ký xác nhận của hai bên), xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành, các giấy tờ liên quan khác và công văn đề nghị thanh toán công nợ trên hóa đơn theo từng đợt thi công hoàn thành do bên Công ty cổ phần D, cụ thể như sau:

- Đợt 1 (ngày 12/03/2023 đến ngày 23/03/2023): Tổng khối lượng hoàn thành là 420m³, nghiệm thu vào ngày 24/03/2023. Tổng giá trị khối lượng hoàn thành là 346.500.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Xuất hóa đơn số 8, ký hiệu 1C23TDP, ký ngày 27/03/2023. Giấy đề nghị thanh toán số 01/2023/VĐP ký ngày 27/03/2023.

- Đợt 2 (ngày 24/03/2023 đến ngày 04/04/2023): Tổng khối lượng hoàn thành là 420m³, nghiệm thu vào ngày 05/04/2023. Tổng giá trị khối lượng hoàn thành là 412.500.000 đồng (Bốn trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Xuất hóa đơn số 10, ký hiệu 1C23TDP, ký ngày 06/04/2023. Giấy đề nghị thanh toán số 02/2023/VĐP ký ngày 06/04/2023.

- Đợt 3 (ngày 05/04/2023 đến ngày 15/05/2023): Tổng khối lượng hoàn thành là 500m³, nghiệm thu vào ngày 16/05/2023. Tổng giá trị khối lượng hoàn thành là 412.500.000 đồng (Bốn trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Xuất hóa đơn số 12, ký hiệu 1C23TDP, ký ngày 18/05/2023. Giấy đề nghị thanh toán số 03/2023/VĐP ký ngày 18/05/2023.

- Đợt 4 (ngày 16/05/2023 đến ngày 30/08/2023): Tổng khối lượng hoàn thành là 391m³, nghiệm thu vào ngày 30/08/2023. Tổng giá trị khối lượng hoàn thành là 316.710.000 đồng (Ba trăm mười sáu triệu bảy trăm mười nghìn đồng). Xuất hóa đơn số 21, ký hiệu 1C23TDP, ký ngày 12/09/2023. Giấy đề nghị thanh toán số 04/2023/VĐP ký ngày 12/09/2023.

Phát sinh làm ca máy (từ ngày 16/5/2023 đến ngày 03/6/2023): Tổng ca máy hoàn thành là 16,785 ca, nghiệm thu ngày 06/6/2023. Tổng giá trị ca máy hoàn thành là 110.781.000 đồng. Xuất hóa đơn số 15, ký hiệu 1C23TDP, ký ngày 13/6/2023. Giấy đề nghị thanh toán số 05/2023/VĐP ký ngày 13/6/2023.

Công ty cổ phần D đã hoàn tất việc thanh toán tổng giá trị khối lượng đợt 1 và đợt 2 cho Công ty TNHH V, cụ thể như sau:

- Ngày 17/04/2023: Thanh toán toàn bộ giá trị của hóa đơn số 8, ký hiệu 1C23TDP, ký ngày 27/03/2023 (Hoàn tất việc thanh toán khối lượng đợt 1).

- Ngày 24/04/2023: Thanh toán toàn bộ giá trị của hóa đơn số A, ký hiệu 1C23TDP, ký ngày 06/04/2023 (Hoàn tất việc thanh toán khối lượng đợt 2).

Mặc dù Công ty cổ phần D đã thanh toán toàn bộ giá trị khối lượng dựa trên bảng nghiệm thu khối lượng và hóa đơn xuất kèm của đợt 1 và đợt 2, tuy nhiên Công ty Cổ phần D vẫn đã vi phạm Điều 2 của Hợp đồng Kinh tế số 72 về thời gian thanh toán. Theo Điều 2 của hợp đồng, quy định về thời gian thanh toán là Công ty cổ phần D phải thanh toán cho Công ty TNHH V trong vòng từ 07-10 ngày kể từ khi Công ty TNHH V cung cấp đủ hồ sơ thanh toán cho Công ty cổ phần D. Như vậy, Công ty cổ phần D đã thanh toán cho Công ty TNHH V giá trị khối lượng đợt 1 trễ hạn 11 ngày, đợt 2 trễ hạn 8 ngày.

Sau hai lần thanh toán trễ hạn nêu trên, Công ty cổ phần D vẫn tiếp tục vi phạm hợp đồng về thanh toán trễ hạn, thậm chí đã có dấu hiệu và đang kéo dài thời gian, không thanh toán theo hợp đồng nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

- Ngày 16/05/2023, Công ty cổ phần D đã tiến hành nghiệm thu xong khối lượng đợt 3 cho Công ty TNHH V. Ngay sau đó, Công ty TNHH V đã hoàn tất hồ sơ thanh toán và gửi cho Công ty cổ phần D vào ngày 18/05/2023. Theo như

hợp đồng, hạn chót mà Công ty cổ phần D phải thanh toán toàn bộ giá trị khối lượng đợt 3 cho Công ty TNHH V là vào ngày 28/05/2023. Tuy nhiên, ngày 06/10/2023 Công ty cổ phần D thanh toán toàn bộ giá trị của hóa đơn số 12, ký hiệu 1C23TDP, ký ngày 18/05/2023 (Hoàn tất việc thanh toán khối lượng đợt 3), trễ 130 ngày so với hạn thanh toán.

- Ngày 06/06/2023, Công ty D tiến hành nghiệm thu khối lượng ca máy phát sinh. Công ty TNHH V đã hoàn tất hồ sơ thanh toán và gửi cho Công ty cổ phần D vào ngày 13/06/2023. Tính đến thời điểm ngày 11/11/2025 (quá hạn thanh toán 2 năm 4 tháng 19 ngày), Công ty cổ phần D vẫn chưa thanh toán bất kì khoản nào liên quan đến giá trị khối lượng ca máy phát sinh.

- Ngày 30/08/2023, Công ty cổ phần D tiến hành nghiệm thu khối lượng đợt 4. Công ty TNHH V đã hoàn tất hồ sơ thanh toán và gửi cho Công ty cổ phần D vào ngày 12/09/2023. Tính đến thời điểm ngày 11/11/2025 (quá hạn thanh toán 01 năm 01 tháng 20 ngày), Công ty cổ phần D vẫn chưa thanh toán bất kì khoản nào liên quan đến giá trị khối lượng đợt 4.

Do đã quá hạn thanh toán quá lâu, Công ty TNHH V đã 3 lần liên tiếp gửi công văn đề nghị thanh toán đến văn phòng Công ty cổ phần D tại Nghệ An lần lượt vào ngày 13/3/2024, 25/3/2024 và 04/6/2024 (có phiếu xác nhận của bưu điện). Đến nay, Công ty TNHH V vẫn không nhận được bất kì phản hồi dưới mọi hình thức nào từ Công ty cổ phần D.

Từ ngày 23/6/2023 đến nay, Công ty TNHH V đã cố gắng liên lạc với người có trách nhiệm của Công ty cổ phần D bằng cách gửi các hồ sơ thanh toán liên quan ra văn phòng Công ty cổ phần D tại Nghệ An và trụ sở tại Hà Nội. Đồng thời Công ty TNHH V cũng nhiều lần đến công trình Cầu P, nhà điều hành cao tốc B và chi nhánh Công ty cổ phần D phía Nam thuộc Thành phố T - Thành phố Hồ Chí Minh cũ nhưng đều không nhận được phản hồi một cách chính đáng và thuyết phục từ Công ty cổ phần D. Công ty TNHH V nhận thấy Công ty cổ phần D đang cố tính né tránh, viện mọi lý do và kéo dài thời gian không thanh toán cho Công ty TNHH V khi dự án Cầu P hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư.

Việc chậm thanh toán của Công ty cổ phần D đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng kinh tế và gây thiệt hại cho Công ty TNHH V trong hoạt động tài chính, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh.

Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần D phải thanh toán tổng số tiền còn nợ là 427.491.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất

15%/năm, tạm tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 12/5/2026 là 170.996.400 đồng. Tổng cộng: 598.487.400 đồng.

Phần quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2026/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực K1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Buộc Công ty Cổ phần D thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền tính đến ngày 12/5/2026 là: 598.487.400 đ (Năm trăm chín mươi tám triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày 13/5/2026 cho đến khi trả xong khoản tiền, nếu Công ty Cổ phần D không thực hiện trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/6/2026, bị đơn Công ty Cổ phần D nộp Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế số 72 ngày 13/02/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 427.491.000 đồng và lãi là 170.996.400 đồng. Bị đơn đề nghị nguyên đơn hỗ trợ giảm tiền lãi cho bị đơn còn lại là 110.000.000 đồng, bị đơn xin được trả làm 02 đợt. Nguyên đơn đồng ý với các đề nghị của bị đơn. Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Bị đơn Công ty Cổ phần D còn nợ nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V số tiền 537.491.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 427.491.000 đồng và lãi chậm trả là 110.000.000 đồng. Bị đơn Công ty Cổ phần D có trách nhiệm phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V nợ gốc và lãi với tổng số tiền là: 537.491.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 72 ngày 13/02/2023, chia làm 02 (hai) đợt thanh toán: Từ ngày 07/9/2026 đến ngày 22/9/2026 phải thanh toán số tiền 268.745.000 đồng và từ ngày 22/9/2026 đến ngày 12/10/2026 phải thanh toán số tiền 268.745.000 đồng, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc thụ lý vụ án, quyết định xét xử cùng hồ sơ vụ án chuyển Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Do các đương sự đã tự thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, nội dung thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2026/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực K1 - Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 12/5/2026, Tòa án nhân dân khu vực K1 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử và ban hành Bản án sơ thẩm số 14/2026/KDTM-ST ngày 12/5/2026, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 01/6/2026, Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm cho bị đơn. Ngày 11/6/2026, bị đơn nộp Đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm vào ngày 29/6/2026. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì kháng cáo của bị đơn là còn trong hạn luật định nên chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Bị đơn Công ty Cổ phần D có trách nhiệm phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V nợ gốc và lãi với tổng số tiền là: 537.491.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 72 ngày 13/02/2023, chia làm 02 (hai) đợt thanh toán: Từ ngày 07/9/2026 đến ngày

22/9/2026 phải thanh toán số tiền 268.745.000 đồng và từ ngày 22/9/2026 đến ngày 12/10/2026 phải thanh toán số tiền 268.745.000 đồng, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí sơ thẩm, các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2026/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực K1 - Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Bị đơn Công ty Cổ phần D có trách nhiệm phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 72 ngày 13/02/2023, với tổng số tiền là: 537.491.000 đồng (năm trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng), chia làm 02 (hai) đợt thanh toán: Từ ngày 07/9/2026 đến ngày 22/9/2026 phải thanh toán số tiền 268.745.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn

đồng) và từ ngày 22/9/2026 đến ngày 12/10/2026 phải thanh toán số tiền 268.745.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần D phải chịu 25.499.640 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng), thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần D phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), căn trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040546 ngày 29/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân khu vực K1;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực K1;
- Đường sự;
- Lưu (T18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Phúc Hảo